

Bản án số: 355/2024/HS-ST

Ngày: 06/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lệ Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Thân; Ông Phan Minh Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 314/2024/TLST-HS ngày 14/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2024/QĐXXST-HS ngày 26/11/2024, đối với Bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tiến K; **Sinh năm:** 2004; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Tổ dân phố số B, phường P, quận N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tiến L; Con bà: Nguyễn Thị X; Gia đình Bị cáo có 03 anh em, Bị cáo là con thứ hai; Vợ/Con: Không;

Trích lục tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị hại: Công ty cổ phần G; Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà V, số H P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội;

Người đại diện Theo pháp luật: Ông Phạm Hồng Q; Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nho D; Chuyên viên pháp chế của Công ty cổ phần G; Địa chỉ liên hệ: Số C, ngõ D, phố T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội (*Theo Văn bản ủy quyền của Công ty cổ phần G*);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị Vũ Thị Hồng T;
Sinh năm: 2000; Nơi đăng ký HKTT: Phương Định, T, Nam Định;
(*Bị cáo có mặt tại phiên tòa; Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Tiến K trước đây là nhân viên giao hàng của Công ty cổ phần G (có ký Hợp đồng dịch vụ số: H1.756662-1/2024/HDDV giữa Nguyễn Tiến K với Công ty cổ phần G; Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà V, số H P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội) từ ngày 23/02/2024 đến khoảng tháng 4/2024 thì K tự ý nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại Công ty, K được giao nhiệm vụ đi lấy hàng từ các Cửa hàng về Bưu cục và lấy các đơn hàng hoàn ở Bưu cục về trả cho các Cửa hàng ở khu vực M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (sau khi được người quản lý hàng hoàn về kho là chị Vũ Thị Hồng T; Sinh năm: 2000; HKTT: Phương Định, T, Nam Định) nhập mã đơn hàng quản lý rồi bàn giao cho các nhân viên giao hàng. Do bản thân hàng ngày đến làm việc ở Bưu cục M nên K biết các đơn hàng hoàn có giá trị nhưng quản lý lỏng lẻo không có ai trông giữ, thời điểm này hàng được ở vị trí riêng nhưng mới chỉ thể hiện thông tin mã vận đơn, chị T chưa phân loại và giao cho nhân viên bưu cục phụ trách địa bàn để trả lại cho các chủ đơn hàng bị hoàn. Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên K nảy sinh ý định trộm cắp các đơn hàng hoàn ở kho tầng hầm bưu cục (địa chỉ C Miếu Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội) để bán lấy tiền tiêu xài, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý các đơn hàng hoàn không có ai trông giữ nên K đã nhiều lần trộm cắp tài sản tại tầng hầm Bưu cục, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ ngày 08/3/2024, K lấy đơn hàng hoàn có mã vận đơn: 1686058114 là 01 Ipad Air 2 (chị T là người quản lý tài sản nhưng chưa tiến hành phân loại) ở tầng hầm bưu cục 30 Miếu Đ. Sau khi lấy trộm thì K mang về nhà để cất giấu;

Vụ thứ hai: Ngày 09/3/2024, K lấy đơn hàng là Ipad A (có mã vận đơn là 1748071577) ở tầng hầm Bưu cục 30 Miếu Đ. Sau đó, K về nhà lấy chiếc Ipad Air 2 đã trộm cắp vào ngày 08/3/2024 và mang đi bán ở Cửa hàng mua bán điện thoại Anh Hào M (địa chỉ tại: Số A ngõ A M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội) do anh Phùng Anh H (Sinh năm: 1989; HKTT: TDP T, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội) là chủ cửa hàng. Do anh H kiểm tra không có mặt khóa, không có dữ liệu gì ở trong máy nên tin tưởng là máy của K và đồng ý mua 02 máy tính bảng Ipad của K với giá 1.350.000 đồng. Sau khi mua xong anh H đã bán 02 máy tính bảng Ipad trên cho người khác nhưng không nhớ rõ bán cho ai, bán khi nào và chỉ nhớ giao dịch bằng tiền mặt;

Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ 34 phút ngày 14/3/2024, K lấy 02 đơn hàng là: 01 Laptop Macbook Pro 2017 (có mã vận đơn là 1723764965, hoàn đơn về bưu cục vào ngày 12/3/2024) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr (có mã vận đơn là 1896273246, hoàn đơn về bưu cục vào ngày 12/3/2024), chị T là người quản lý tài sản nhưng chưa tiến hành phân loại 02 vận đơn này để giao cho nhân viên giao hàng ở tầng hầm Bưu cục 30 Miếu Đ.

Đến khoảng cuối tháng 3/2024, chị T nhận được phản ánh của các chủ Shop là chưa nhận được hàng hoàn về. Quá trình kiểm tra các mã vận đơn nêu trên cùng C tại khu vực tầng hầm trụ sở Công ty có địa chỉ tại C Miếu Đ phát hiện Nguyễn Tiến K mặc dù không được quản lý tài sản đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp và đại diện Công ty mời Khen lên làm việc. Quá trình làm việc Khen tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội và đã mang trả lại 02 đơn hàng trộm cắp vào ngày 14/3/2024 cho Công ty cổ phần G. Phía Công ty cổ phần G đã hoàn trả đơn hàng Laptop Macbook Pro 2017 cho người nhận đơn hoàn là anh Nguyễn Thái D1 (Sinh năm: 1989; HKTT: Phường P, quận N, thành phố Hà Nội) còn chiếc điện thoại di động Iphone Xr có chủ nhận đơn hoàn là anh Nguyễn Mạnh C1 (Sinh năm: 2000; HKTT: Xã T, huyện M, thành phố Hà Nội) do K có cài đặt lại máy có mặt khẩu màn hình nên Công ty chưa trả lại được và Công ty đã bồi thường tiền tương đương giá trị đơn hàng là chiếc điện thoại di động Iphone Xr cho anh Nguyễn Mạnh C1. Ngoài ra, ngày 02/4/2024 K được Công ty cổ phần G giao đi vận chuyển hoàn về cho người bán 03 đơn hàng gồm: 01 hộp trà thảo dược không có nhãn hiệu trị giá: 300.000 đồng; 01 chiếc váy màu vàng size 2 XL trị giá: 639.000 đồng và 01 set quần lót phụ nữ có 07 chiếc quần trị giá: 500.000 đồng. Khen đã không giao đơn hàng mà chiếm đoạt sau đó khi kiểm tra các đơn hàng không sử dụng được thì đã vứt bỏ ngoài đường (Khen không nhớ địa chỉ vứt hàng).

Làm việc với các chủ đơn hàng hoàn về là anh Đỗ Đức T1 (Sinh năm: 1989; HKTT: M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội); Chị Trần Thị M1 (Sinh năm: 1994; HKTT: Xã G, huyện G, tỉnh Nam Định) và anh Phạm Đức T2 (Sinh năm: 1994; HKTT: Xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình) thì đều không cung cấp được các hóa đơn, chứng từ liên quan đến các đơn hàng bị Nguyễn Tiến K chiếm đoạt. Sau đó, phía Công ty cổ phần G đã bồi thường tiền tương đương giá trị hàng hóa nên anh T1, chị M1 và anh T2 không yêu cầu, đề nghị gì.

Tổng trị giá 03 đơn hàng trên, Công ty cổ phần G và người bán cung cấp trị giá là: 1.439.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Vật chứng tạm giữ gồm có: 01 (một) điện thoại di động Iphone xr 64Gb màu xanh, đã qua sử dụng;

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 130/KLĐGTS ngày 12/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận N kết luận như sau:

“2.1. Tài sản không thu giữ được: ...

- 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Air, 64GB, sêri: DMPLPA2MF4YK, chất lượng 95 %, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 1.000.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu đồng);

- 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Air 2, 64GB, sêri: DMPRT4KMG5WR, chất lượng 95%, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 1.300.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu ba trăm nghìn đồng);

- 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Macbook Pro 2017 13inch, màu đen, thông số kỹ thuật: 15/Ram 16GB/ổ cứng 256GB, chất lượng 90%, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 7.500.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu năm trăm nghìn đồng);

2.2. Tài sản thu giữ được: ...

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XR, 64GB, màu xanh, sêri: F72XNQM8KXK1, đã qua sử dụng. Trị giá tài sản là: 3.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba triệu đồng)./.”

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 186/KLĐGTS ngày 12/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận N kết luận như sau: *“Không đủ cơ sở định giá tài sản đối với 01 hộp trà thảo dược không có nhãn hiệu; 01 chiếc váy màu vàng size 2 xl và 01 set quần lót phụ nữ có 07 chiếc quần”.*

Đối với anh Phùng Anh H: Không biết tài sản mua được của Nguyễn Tiến K do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Về trách nhiệm dân sự: Sau khi mua hàng của K, anh H đã bán luôn hàng nên anh H không yêu cầu, đề nghị gì đối với K.

Ngày 23/9/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trao trả 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone xr 64Gb màu xanh, đã qua sử dụng, số seri: F72XNQM8KXK1 cho đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần G là anh Nguyễn Nho D. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Nguyễn Tiến K đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho Công ty cổ phần G, anh Nguyễn Nho D đại diện Công ty cổ phần G đã nhận lại tài sản và không yêu cầu, đề nghị gì đối với K.

Ngày 04/10/2024, Công an quận N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2124/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Tiến K về hành vi: *“Chiếm đoạt tài sản công”* quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 12 của Nghị định số: 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ, hình thức xử phạt: Phạt tiền 1.500.000 đồng.

Ngày 23/10/2024, Công an quận N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 2311/QĐ-XPHC đối với Nguyễn Tiến K về hành vi: “*Trộm cắp tài sản*” (vào các ngày 08/3/2024 và 09/3/2024) theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số: 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, hình thức xử phạt: Phạt tiền 3.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Tiến K đã khai nhận hành vi của K như đã nêu trên;

Theo Cáo trạng số: 307/CT-VKSNTL ngày 08/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội truy tố Bị cáo Nguyễn Tiến K về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; Điều luật quy định như sau:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: ...”

Tại phiên tòa, Bị cáo Nguyễn Tiến K thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của Bị cáo, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi Bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng là bài học cho Bị cáo.

Luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo Nguyễn Tiến K, Kiểm sát viên kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo Nguyễn Tiến K về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bị cáo K như sau: Bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; Gia đình Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng rõ ràng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho Bị cáo K được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao Bị cáo về UBND nơi Bị cáo cư trú để giám sát giáo dục Bị cáo trong thời gian

thử thách cũng có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Về mức hình phạt đối với Bị cáo K, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Bị cáo K mức án từ 08 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 24 tháng; Giao Bị cáo về UBND nơi Bị cáo cư trú để giám sát giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về xử lý vật chứng: Không;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Bị cáo: Lời khai nhận tội của Bị cáo K tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 10 giờ 34 ngày 14/3/2024 tại Bưu cục C Miếu Đ, phường M, quận N, thành phố Hà Nội, Nguyễn Tiến K đã có hành vi trộm cắp 01 Laptop Macbook pro 2017 trị giá 7.500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xr giá 3.000.000 đồng của Công ty cổ phần G. Tổng trị giá tài sản Khen trộm cắp là 10.500.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Bị cáo K đã khai nhận tội, hậu quả đã được Gia đình Bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho Bị hại. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Hành vi nêu trên của Bị cáo Nguyễn Tiến K đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố Bị cáo K về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của Bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo K phạm tội với lỗi cố ý,

nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Khen trước khi phạm tội có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; Gia đình Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

Xét thấy Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Bị cáo K có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự không cần phải bắt Bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho Bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao Bị cáo về UBND nơi Bị cáo cư trú để giám sát giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách cũng có tác dụng giáo dục Bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo.

[3] Về đề nghị của Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với Bị cáo K từ 08 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 24 tháng là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội Bị cáo gây ra và phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cho Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên, cũng là bài học sâu sắc để Bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy Bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Bị cáo K đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do Bị cáo gây ra cho Bị hại, Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Không;

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến

hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và của Người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Bị cáo K phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm;

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến K 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao Bị cáo K cho Ủy ban nhân dân phường P, quận N, thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình Bị cáo K có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo K phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận :

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án quận Nam Từ Liêm;
- UBND P.Phú Đô, Q.Nam Từ Liêm;
- Gia đình Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lệ Thủy